TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 182/2022/DS-PT
Ngày 28 - 3 - 2022
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất; Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Võ Văn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 444/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2021 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất; Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2867/2021/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 117/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1958 (chết ngày 02/10/2019 - Trích lục khai tử số 193/TLKT-BS ngày 11/10/2019).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Huỳnh N, gồm:

1.1. Ông Trần D, sinh năm 1980 (xin vắng mặt);

1.2. Bà Trần Thị Ngọc V, sinh năm 1985 (xin vắng mặt);

1.3. Bà Trần Thị Ngọc D1, sinh năm 1983 (xin vắng mặt);

Cùng cư trú: Tổ 14, ấp M, xã N1, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần D, bà Trần Thị Ngọc D1: Bà Trần Thị Ngọc V, sinh năm 1985; Cư trú: Tổ 14, ấp M, xã N1, huyện C, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/4/2021 có chứng thực của UBND xã N1, huyện C) (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn D2, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Cư trú: Tổ 14, ấp M, xã N1, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông Huỳnh Văn D2: Bà Nguyễn Thị Tiếng C1, sinh năm 1967; Cư trú: Tổ 14, ấp M, xã N1, huyện C, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07/10/2019) (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang (Đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng - Văn bản số 627/UBND-NC, ngày 27/3/2020);

3.2. Bà Nguyễn Thị Tiếng C1, sinh năm 1967 (có mặt);

Cư trú: Tổ 14, ấp M, xã N1, huyện C, tỉnh An Giang.

3.3. Ông Huỳnh Nhựt L, sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

3.4. Bà Lê Thị Bé T, sinh năm 1993 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

3.5. Bà Huỳnh Thị Tuyết X, sinh năm 1996 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

3.6. Cháu Huỳnh Minh H, sinh năm 2017 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Tổ 14, ấp M, xã N1, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Huỳnh Minh H: Ông Huỳnh Nhựt L, sinh năm 1992 và bà Lê Thị Bé T, sinh năm 1993; Cư trú: Tổ 14, ấp M, xã N1, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.7. Ông Trần D, sinh năm 1980 (xin vắng mặt);

3.8. Bà Trần Thị Ngọc V, sinh năm 1985 (xin vắng mặt);

3.9. Bà Trần Thị Ngọc D1, sinh năm 1983 (xin vắng mặt);

Cùng cư trú: Tổ 14, ấp M, xã N1, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Tiếng C1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh N và những người kế thừa

quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Huỳnh N do bà Trần Thị Ngọc V đại diện trình bày:

Năm 1992 bà N có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T1(cha bà C1) diện tích 403m^2 đất tại ấp M, xã N1, huyện C, tỉnh An Giang, hai bên có làm "Tờ nhượng đất thổ cư" ngày 07/4/1992, thể hiện sơ đồ khu đất có chiều ngang phía trước 10 mét, chiều ngang phía sau 16 mét và chiều dài 31 mét; bên chuyển nhượng có ông T1 cùng bà Võ Thị M1 (vợ ông T1) và các con của ông T1 là Diện, C1, Lan, Vui ký tên; có xác nhận của Trưởng ấp M. Thời điểm năm 2004, bà N làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ), nhưng do cán bộ địa chính làm thất lạc hồ sơ, nên năm 2007 hồ sơ được làm lại và ngày 16/5/2008 Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện C cấp GCNQSDĐ số H1181eB, diện tích 385,3 m^2, số thửa 4, tờ bản đồ 40, đất tọa lạc tại ấp M, xã N1, huyện C, tỉnh An Giang cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N đứng tên. Năm 2013, gia đình làm bờ kè phía sau thì phát hiện diện tích đất bị thiếu, nên yêu cầu Cơ quan Tài nguyên đo đạc, thì phát hiện bên ông D2, bà C1 là người sử dụng đất giáp ranh lấn chiếm chiều ngang mặt trước khoảng 1 mét, mặt sau khoảng 2 mét chạy dài 30 mét. Theo Bản vẽ của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C thì ông D2, bà C1 lấn sang có phần mái hiên nhà bằng tol thiết là 0,8m^2, còn lại bà C1 và ông D2 trồng cây chuối. Nay yêu cầu ông D2, bà C1 phải tháo dỡ mái hiên và di dời các cây trồng (cây chuối) trả lại diện tích đất lấn chiếm cho bà N.

Bị đơn ông Huỳnh Văn D2 do bà Nguyễn Thị Tiếng C1 đại diện trình bày:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N; bởi vì ông T1(là cha bà C1) sang nhượng cho ông T2 là chồng bà N diện tích đất ngang phía trên 10 mét, phía dưới khoảng 15 - 16 mét sử dụng làm trại cưa và có chừa đường đi xuống kênh, do xáng múc kênh hai lần nên có thu hẹp chiều dài. Năm 2004 có chủ trương đo đạc cấp giấy chứng nhận đại trà nên hai bên có thỏa thuận xuống trụ ranh giữa hai bên. Đoàn đo đạc chỉ đo diện tích đất bên ông D2, không đo phần đất của ông T2(chồng bà N). Ông D2 được cấp GCNQSDĐ 386,2m^2 và hiện nay ông vẫn sử dụng đúng diện tích đất này không có lấn sang đất của vợ chồng bà N.

Ngày 18/11/2019, bà Nguyễn Thị Tiếng C1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Huỳnh Văn D2 và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số AI 736539, số vào sổ H1181eB, ngày 16/5/2008 do UBND huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N đứng tên. Lý do, UBND huyện C cấp GCNQSDĐ cho bà N đã cấp chồng lên diện tích đất sử dụng làm lối đi chung, bà không có ký tên xác định tứ cận, nhưng trong hồ sơ cấp đất lại có tên và chữ ký của bà.

Bà C1 thống nhất với Bản sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C lập ngày 18/12/2019 về vị trí đất tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện C: Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, nhưng tại Công văn số 672/UBND-NC ngày 27/3/2020 có ý kiến như sau:

Nguồn gốc đất là của bà Nguyễn Thị Huỳnh N sang nhượng của ông Nguyễn Văn T1, theo giấy tay "Nhượng đất thổ cư" ngày 07/4/1992, được ban ấp xác nhận, diện tích 403m^2, đất tọa lạc tại ấp M, xã N1. Ngày 26/9/2007, bà Nguyễn Thị Huỳnh N nộp đơn xin cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất trên.

Hồ sơ được các hộ tứ cận thống nhất ký tên và niêm yết công khai theo quy định. Trong suốt quá trình niêm yết công khai, UBND xã N1 không có tiếp nhận đơn tranh chấp hay khiếu nại nào đối với việc xin cấp GCNQSDĐ của bà N(Trình tự thực hiện theo Quyết định số 38/2007/QĐ.UBND ngày 14/8/2007 của UBND tỉnh An Giang về trình tự, thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất trên địa bàn tỉnh An Giang).

Ngày 16/5/2008, bà Nguyễn Thị Huỳnh N được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số H1181eB, diện tích 385,3m^2 đất ở nông thôn, thuộc tờ bản đồ số 40, thửa số 04. Đất tọa lạc tại ấp M, xã N1. Do đó việc cấp GCNQSDĐ số H1181eB cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N là đúng đối tượng và trình tự, thủ tục theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huỳnh N do ông Trần D, bà Trần Thị Ngọc V và bà Trần Thị Ngọc D1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng về việc: buộc ông Huỳnh Văn D2, bà Nguyễn Thị Tiếng C1 phải tháo dỡ mái che nhà diện tích 0,8m^2.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huỳnh N do ông Trần D, bà Trần Thị Ngọc V, bà Trần Thị Ngọc D1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng về việc:

Buộc ông Huỳnh Văn D2, bà Nguyễn Thị Tiếng C1, ông Huỳnh Nhựt L, bà Lê Thị Bé T, bà Huỳnh Thị Tuyết X và cháu Huỳnh Minh H (Do ông Huỳnh Nhựt L, bà Lê Thị Bé T, là cha, mẹ ruột đại diện) cùng phải có trách nhiệm di dời tất cả các cây trồng (cây chuối) trên đất để trả lại diện tích 27,7m^2 đất được giới hạn bởi các điểm 45-50-51-48-40-3-2 theo Bản sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C lập ngày 18/12/2019 và Công văn số 145/CNCM ngày 14/7/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C cho ông Trần D, bà Trần Thị Ngọc V, bà Trần Thị Ngọc D1 là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Huỳnh N.

(Bản sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C lập ngày 18/12/2019 và Công văn số 145/CNCM ngày 14/7/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C là một bộ phận không tách rời Bản án).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Văn D2 và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tiếng C1 về việc:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1181eB ngày 16/5/2008 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N đứng tên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 12/5/2021 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang nhận được đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tiếng C1 và ngày 25/5/2021 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang nhận được đơn kháng cáo đã sửa đổi, bổ sung của bà Nguyễn Thị Tiếng C1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Tiếng C1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng cáo của bà C1 hợp lệ trong thời gian luật định. Lý do kháng cáo của bà C1, Tòa án cấp sơ thẩm đã làm rõ. Bà N mạo chữ ký để được cấp GCNQSDĐ nhưng việc mạo danh chữ ký không có ảnh hưởng đến quyền lợi của bà C1. GCNQSDĐ cấp cho bà N đúng diện tích, vị trí. Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận phần này. Kháng cáo cho rằng giữa hai phần đất có đường đi, có kênh, có ranh. Đo đạc thì diện tích hai bên không lấn, diện tích đã được xác định từ trước, được chính quyền địa phương xác định và đúng diện tích. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tiếng C1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ngày 07/4/1992 bà Nguyễn Thị Huỳnh N có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T1(cha ruột bà C1) diện tích 403m^2 bằng 20 chỉ vàng 24Kra. Hai bên có làm "Tờ mua bán đất thổ cư" có bên mua là bà N, bên bán là ông T1 cùng bà Võ Thị M1(vợ ông T1) và các con của ông T1 là Diện, C1, Lan,

Vui ký tên; có xác nhận của Trưởng ấp M. Năm 2007, bà N làm thủ tục đăng ký và được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số H1181eB ngày 16/5/2008 do bà Nguyễn Thị Huỳnh N đứng tên, diện tích đất 385,3m^2, thửa đất số 4, tờ bản đồ số 40, tại ấp M, xã N1, huyện C, tỉnh An Giang.

[2.2] Tại Bản sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C lập ngày 18/12/2019, thể hiện:

- Các điểm 1,2,3,40,41,42 có diện tích 385,3m^2 cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N.

- Các điểm 1,2,3,40,39,29 có diện tích 386,2m^2 cấp GCNQSDĐ cho ông Huỳnh Văn D2.

- Các điểm 46,47,45,50,51,48,40,49,52,53,23 có diện tích 44,1m^2 là khu vực đất tranh chấp giữa bà Nvà ông D2.

[2.3] Tại Công văn số 145/CNCM ngày 14/7/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C, thể hiện:

- Khu vực đất tranh chấp tại các điểm 46,47,45,50,51,48,40,49,52,53,23 có diện tích 44,1m^2. Trong đó:

+ Phần diện tích nằm trong GCNQSDĐ số H1181eB ngày 16/5/2008 cấp cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N là 0,7m^2 tại các điểm 1-45-47, và 27,7m^2 tại các điểm 45-50-51-40-3-2.

+ Phần diện tích nằm trong GCNQSDĐ số 06157eB ngày 12/8/2004 cấp cho ông Nguyễn Văn Dọn là 16,4m^2 tại các điểm 46-47-45-2-3-40-49-52-53-23.

[2.4] Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thì trong diện tích đất tranh chấp 27,7m^2 được cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N hiện gia đình ông D2 và bà C1 đang quản lý sử dụng; trong đó phần mái hiên nhà của ông D2, bà C1 có diện tích 0,8m^2 tại các điểm 2,3,4. Diện tích còn lại ông D2 và bà C1 trồng cây ăn trái ngắn ngày (cây chuối).

[2.5] Bà C1 cho rằng bà chỉ sử dụng diện tích đất trong GCNQSDĐ đã được cấp do ông D2 đứng tên. Theo GCNQSDĐ số 06157eB ngày 12/8/2004 của UBND huyện C cấp cho ông Huỳnh Văn D2 đứng tên, diện tích 386,2m^2 số thửa 3, tờ bản đồ 40, tại ấp M, xã N1, huyện C và theo Bản sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C lập ngày 18/12/2019 thể hiện diện tích ông D2 và bà C1 đang quản lý sử dụng tại các điểm 1,2,3,40,39,29 có diện tích 386,2m^2 là đúng với diện tích đã cấp GCNQSDĐ cho ông Huỳnh Văn D2. Thời điểm ông T1chuyển nhượng đất cho ông T2 là chồng của bà N, hai bên có đo đạc và xuống trụ, bên bà N đã xây dựng nhà đúng với vị trí ranh đất, phần diện tích còn lại đang tranh chấp là đường đi chung xuống bờ kênh. Tuy nhiên, theo "Tờ nhượng đất thổ cư" ngày 07/4/1992, thể hiện sơ đồ chiều ngang phía trước 10 mét, chiều ngang phía sau 16 mét và chiều dài 31 mét, diện tích là 403m^2; nhưng UBND huyện C cấp GCNQSDĐ cho bà Nchỉ còn 385,3m^2 theo

các đương sự trình bày là do Nhà nước múc kênh nên có thu hẹp chiều dài dẫn đến giảm diện tích là phù hợp với thực tế. Mặt khác, ông D2, bà C1 thừa nhận phần mái che nhà diện tích 0,8m^2, tại các điểm 2,3,4 theo bản vẽ ngày 18/12/2019 có lấn sang diện tích đất thuộc GCNQSDĐ của bà N nên đã tự tháo dỡ; về lối đi chung, ngoài lời trình bày, bà C1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

[2.6] Ông D2, bà C1 đã sử dụng lấn sang diện tích đất 27,7m^2 được giới hạn bởi các điểm 45,50,51,48,40,3,2 thuộc GCNQSDĐ số H1181eB ngày 16/5/2008 do UBND huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N đứng tên; trong đó mái hiên nhà là 0,8m^2 còn lại là trồng cây chuối. Ông D2, bà C1 đã tự tháo dỡ mái hiên nhà nên chỉ còn lại cây trồng (cây chuối). Hiện tại ngoài ông D2 và bà C1 còn có ông Huỳnh Nhựt L, bà Lê Thị Bé T, bà Huỳnh Thị Tuyết X và cháu Huỳnh Minh H đang cư trú trong nhà. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Huỳnh Văn D2, bà Nguyễn Thị Tiếng C1, ông Huỳnh Nhựt L, bà Lê Thị Bé T, bà Huỳnh Thị Tuyết X và cháu Huỳnh Minh H (do ông Huỳnh Nhựt L, bà Lê Thị Bé T, là cha, mẹ ruột đại diện) cùng phải có trách nhiệm di dời tất cả các cây trồng (cây chuối) trên đất tranh chấp để trả lại diện tích 27,7m^2 đất cho những người thừa kế của bà Nguyễn Thị Huỳnh N gồm ông Trần D, bà Trần Thị Ngọc D1 và bà Trần Thị Ngọc V là phù hợp.

[3] Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1181eB ngày 16/5/2008 của UBND huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N đứng tên:

[3.1] Tại Công văn số 672/UBND-NC ngày 27/3/2020 của UBND huyện C xác định: Việc cấp GCNQSDĐ số H1181eB ngày 16/5/2008 cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N là đúng đối tượng và trình tự, thủ tục theo quy định.

[3.2] Tại Bản kết luận số 113/KLGT-PC09 ngày 25/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh An Giang kết luận chữ ký, chữ viết tên Nguyễn Thị C1 trong Biên bản xác định ranh giới – mốc giới khu đất ngày 10/11/2007 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Tiếng C1 trên 07 (bảy) tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký và viết ra.

[3.3] Việc UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số H1181eB ngày 16/5/2008 cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N là chưa bảo đảm trình tự theo quy định (ký tên xác định tứ cận). Tuy nhiên, về diện tích đất được cấp trong Giấy chứng nhận, đối chiếu với hồ sơ kỹ thuật khu đất ngày 25/4/2008; Biên bản xác định ranh giới – mốc giới khu đất ngày 10/11/2007, thì diện tích và vị trí khu đất không nằm ngoài phạm vi và diện tích bên bà N nhận chuyển nhượng của ông T1 theo "Tờ mua bán đất thổ cư" ngày 07/4/1992. Mặt khác, bên ông D2 bà C1 thừa nhận sử dụng đủ diện tích 386,2m^2 theo GCNQSDĐ số 06157eB ngày 12/8/2004 do UBND huyện C cấp cho ông Huỳnh Văn D2 đứng tên, và đúng với hiện trạng theo bản vẽ của Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C lập ngày 18/12/2019.

Về lối đi chung, ngoài lời khai, thì bà C1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông T1 có chừa lối đi chung. Như vậy, việc cấp GCNQSDĐ

cho bà Ncủa UBND C có sai sót về trình tự, thủ tục (ký tứ cận); nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà C1 ông D2.

[4] Các nội dung khác của án sơ thẩm giữ nguyên.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Bà C1 kháng cáo không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà C1, giữ y án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà C1 phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 74, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều166, Điều 168 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tiếng C1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

1. Đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huỳnh N do ông Trần D, bà Trần Thị Ngọc V và bà Trần Thị Ngọc D1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng về việc: buộc ông Huỳnh Văn D2, bà Nguyễn Thị Tiếng C1 phải tháo dỡ mái che nhà diện tích 0,8m^2.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huỳnh N do ông Trần D, bà Trần Thị Ngọc V, bà Trần Thị Ngọc D1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng về việc:

Buộc ông Huỳnh Văn D2, bà Nguyễn Thị Tiếng C1, ông Huỳnh Nhựt L, bà Lê Thị Bé T, bà Huỳnh Thị Tuyết X và cháu Huỳnh Minh H (do ông Huỳnh Nhựt L, bà Lê Thị Bé T, là cha, mẹ ruột đại diện) cùng phải có trách nhiệm di dời tất cả các cây trồng (cây chuối) trên đất để trả lại diện tích 27,7m^2 đất được giới hạn bởi các điểm 45-50-51-48-40-3-2 theo Bản sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C lập ngày 18/12/2019 và Công văn số

145/CNCM ngày 14/7/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C cho ông Trần D, bà Trần Thị Ngọc V, bà Trần Thị Ngọc D1 là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Huỳnh N.

(Bản sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C lập ngày 18/12/2019 và Công văn số 145/CNCM ngày 14/7/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C là một bộ phận không tách rời Bản án).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Văn D2 và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tiếng C1 về việc: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1181eB ngày 16/5/2008 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N đứng tên.

3. Về chi phí tố tụng:

Ông Huỳnh Văn D2, bà Nguyễn Thị Tiếng C1 phải chịu 3.567.600 đồng (ba triệu, năm trăm sáu mươi bảy ngàn, sáu trăm đồng), được khấu trừ số tiền đã nộp (ông D2 và bà C1 đã nộp đủ).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Huỳnh Văn D2, bà Nguyễn Thị Tiếng C1, ông Huỳnh Nhựt L, bà Lê Thị Bé T, bà Huỳnh Thị Tuyết X và cháu Huỳnh Minh H (do ông Huỳnh Nhựt L, bà Lê Thị Bé T, là cha, mẹ ruột đại diện) phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Tiếng C1 phải chịu 300.000 đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà C1 đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002929 ngày 04/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu (Án - Trúc).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương